

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|--------------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 02 - 05 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 06 - 07 |
| 3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 08 - 09 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 10 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 11 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 12 - 32 |
| 7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu | 33 - 34 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15/10/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17/05/2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 23 ngày 15 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 367.443.990.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HAX theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 3 5120 026
- Fax : + 84 (28) 3 5120 025
- Mã số thuế : 0 3 0 2 0 0 0 1 2 6

• Thông tin về chi nhánh

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-----|--|--|
| 01 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh | Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 02 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội | Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. |
| 03 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang | Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. |

30312
CỘNG HÒA MIỀN BẮC
KIỂM TOÁN
CHỨNG
5 - TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

• Thông tin về Công ty con

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | | Tỷ lệ lợi ích | |
|-----|--|--|---------------------|---------------------|------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | | | Tại ngày 01/01/2020 | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 | Tại ngày 31/12/2020 |
| 01 | Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ | Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. | 85,89% | 85,89% | 85,89% | 85,89% | 85,89% | 85,89% |
| 02 | Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM | Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. | 92,72% | 94,38% | 92,72% | 94,38% | 92,72% | 94,38% |

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|---------------|---------------|-----------------|
| Bà Vũ Thị Hạnh | Chủ tịch HĐQT | 28/03/2020 | - |
| Ông Đỗ Tiến Dũng | Chủ tịch HĐQT | 28/03/2016 | 28/03/2020 |
| Ông Đỗ Tiến Dũng | Thành viên | 28/03/2020 | - |
| Ông Trần Quốc Hải | Thành viên | 09/04/2016 | - |
| Bà Trần Tiểu Mai | Thành viên | 23/03/2019 | - |
| Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang | Thành viên | 28/03/2016 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------------|---|---------------|-----------------|
| Ông Đỗ Tiến Dũng | Tổng Giám đốc | 06/05/2013 | - |
| Ông Trần Quốc Hải | Phó Tổng Giám đốc | 01/10/2013 | - |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Phó Tổng Giám đốc | 02/10/2018 | - |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng | 20/02/2020 | - |
| Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng | 15/04/2017 | 20/02/2020 |

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------|---------------|---------------|-----------------|
| Ông Đỗ Tiến Dũng | Tổng Giám đốc | 06/05/2013 | - |

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 34.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo.

10. **Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).



T.M. Hội đồng quản trị

VŨ THỊ HẠNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021.





Số: 3034/21/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2021 (từ trang 08 đến trang 34), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất), chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0967-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2849-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 919.056.191.206 | 1.245.763.458.299 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 81.458.070.905 | 109.639.410.844 |
| 111 | 1. Tiền | | 81.458.070.905 | 109.639.410.844 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | - |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 262.220.727.553 | 393.638.260.703 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.2 | 101.984.748.261 | 209.411.208.391 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.3 | 6.397.848.601 | 2.301.417.502 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | V.4 | 154.855.420.186 | 182.942.924.305 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.5 | (1.017.289.495) | (1.017.289.495) |
| 139 | 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | | - | - |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.6 | 564.175.014.480 | 720.877.933.126 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 566.631.265.757 | 722.209.656.477 |
| 142 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | (2.456.251.277) | (1.331.723.351) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 11.202.378.268 | 21.607.853.626 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.7a | 5.914.343.061 | 4.512.504.939 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 5.068.835.966 | 16.799.217.840 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.14 | 219.199.241 | 296.130.847 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 313.314.027.844 | 386.437.936.091 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 4.569.736.350 | 5.257.672.058 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | - | - |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | V.8 | 4.332.000.080 | 5.235.672.058 |
| 216 | 3. Phải thu dài hạn khác | | 237.736.270 | 22.000.000 |
| 219 | 4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | - | - |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 248.545.724.097 | 333.464.515.817 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.9 | 235.581.575.469 | 319.770.515.880 |
| 222 | - Nguyên giá | | 335.119.555.605 | 407.311.826.048 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (99.537.980.136) | (87.541.310.168) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.10 | 12.964.148.628 | 13.693.999.937 |
| 228 | - Nguyên giá | | 17.938.696.169 | 17.640.696.169 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (4.974.547.541) | (3.946.696.232) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 14.825.892.859 | - |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 14.825.892.859 | - |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 45.372.674.538 | 47.715.748.216 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.7b | 9.033.796.541 | 4.617.912.842 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | 177.912.826 | 648.006.695 |
| 269 | 3. Lợi thế thương mại | V.11 | 36.160.965.171 | 42.449.828.679 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.232.370.219.050 | 1.632.201.394.390 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 697.068.783.129 | 1.166.635.139.173 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 693.391.627.386 | 1.162.606.406.640 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.12 | 38.494.454.406 | 110.583.016.784 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.13 | 99.949.707.833 | 84.923.347.924 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.14 | 24.267.676.922 | 2.873.832.008 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 18.239.115.300 | 8.100.409.155 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.15 | 6.454.318.571 | 2.580.048.957 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | V.16 | 6.010.478.763 | 5.312.156.685 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.17 | 499.975.875.591 | 948.233.595.127 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | - | - |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 3.677.155.743 | 4.028.732.533 |
| 341 | 1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | V.18 | 3.677.155.743 | 4.028.732.533 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 535.301.435.921 | 465.566.255.217 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.19 | 535.301.435.921 | 465.566.255.217 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 367.443.990.000 | 367.443.990.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 367.443.990.000 | 367.443.990.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | (30.000.000) | (30.000.000) |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (2.234.667.764) | (2.234.667.764) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | - | - |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 165.874.019.186 | 95.961.582.414 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 41.053.343.180 | 44.921.038.132 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 124.820.676.006 | 51.040.544.282 |
| 429 | 6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 4.248.094.499 | 4.425.350.567 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.232.370.219.050 | 1.632.201.394.390 |

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



Tổng Giám Đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 5.569.551.903.723 | 5.152.924.157.313 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 5.569.551.903.723 | 5.152.924.157.313 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.2 | 5.248.166.729.599 | 4.957.494.347.856 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 321.385.174.124 | 195.429.809.457 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 2.783.235.785 | 269.749.351 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.4 | 40.745.511.189 | 56.713.133.302 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 40.669.604.829 | 56.706.217.146 |
| 24 | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | - | - |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | VI.5 | 114.371.595.998 | 116.799.940.079 |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.6 | 53.417.016.720 | 52.663.322.082 |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 115.634.286.002 | (30.476.836.655) |
| 31 | 12. Thu nhập khác | VI.7 | 42.851.479.258 | 96.193.489.706 |
| 32 | 13. Chi phí khác | | 864.221.220 | 240.266.280 |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác | | 41.987.258.038 | 95.953.223.426 |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 157.621.544.040 | 65.476.386.771 |
| 51 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | VI.8 | 32.151.203.880 | 14.929.723.848 |
| 52 | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | 118.517.079 | (124.146.274) |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 125.351.823.081 | 50.670.809.197 |
| 61 | 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | | 124.820.676.006 | 51.040.544.282 |
| 62 | 20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 531.147.075 | (369.735.085) |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.9 | 3.409 | 1.429 |
| 71 | 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.10 | 3.409 | 1.429 |

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

TP. Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám Đốc

ĐỖ TIẾN DŨNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|---------------------|---------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 157.621.544.040 | 65.476.386.771 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 58.782.428.588 | 83.338.177.974 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | V.9,V.10 | 38.465.007.200 | 42.919.569.032 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 1.124.527.926 | 1.331.723.351 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | - | - |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | VI.3,VI.7 | (21.476.711.367) | (17.619.331.555) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | VI.4 | 40.669.604.829 | 56.706.217.146 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 216.403.972.628 | 148.814.564.745 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 144.382.876.207 | 273.359.254.396 |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 155.578.390.720 | (131.953.788.615) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | (30.270.361.306) | (139.456.504.217) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 471.141.687 | 4.772.190.191 |
| 13 | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (40.669.604.829) | (56.706.217.146) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | V.14 | (23.669.993.840) | (21.574.752.523) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 422.226.421.267 | 77.254.746.831 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | V.9,V.10 | (458.123.898.220) | (623.724.055.717) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | VI.7 | 509.993.872.727 | 621.957.658.301 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | VI.3 | 506.803.323 | 269.749.351 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 52.376.777.830 | (1.496.648.065) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | 17.280.000.000 |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | (2.234.667.764) |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | V.17 | 4.991.459.758.660 | 5.371.968.767.812 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | V.17 | (5.439.717.478.196) | (5.421.999.159.263) |
| 35 | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | - | - |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | V.19 | (54.526.819.500) | (51.937.819.500) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (502.784.539.036) | (86.922.878.715) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | (28.181.339.939) | (11.164.779.949) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | V.1 | 109.639.410.844 | 120.804.190.793 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | V.1 | 81.458.070.905 | 109.639.410.844 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất)



ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Lãi suất cho vay của các ngân hàng giảm, đồng thời Nghị định 70/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành về việc giảm 50% lệ phí trước bạ cho các dòng xe lắp ra trong nước bắt đầu có hiệu lực thi hành đã dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 02 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty.

Công ty con bao gồm:

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | | Tỷ lệ lợi ích | |
|-----|--|--|---------------------|---------------------|------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | | | Tại ngày 01/01/2020 | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 | Tại ngày 31/12/2020 |
| 01 | Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ | Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. | 85,89% | 85,89% | 85,89% | 85,89% | 85,89% | 85,89% |
| 02 | Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM | Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. | 92,72% | 94,38% | 92,72% | 94,38% | 92,72% | 94,38% |

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 619 nhân viên, tại ngày đầu năm có 585 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 06 – 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 03 – 10 |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| - Tiền mặt | 7.381.127.873 | 12.914.949.945 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 74.076.943.032 | 96.724.460.899 |
| Cộng | <u>81.458.070.905</u> | <u>109.639.410.844</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>101.984.748.261</i> | <i>209.411.208.391</i> |
| - Các khách hàng khác về tiền kinh doanh xe | 101.984.748.261 | 209.411.208.391 |
| Cộng | <u>101.984.748.261</u> | <u>209.411.208.391</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>6.397.848.601</i> | <i>2.301.417.502</i> |
| - Công ty TNHH Sản xuất phim và Truyền thông Tứ Vân | 3.500.000.000 | - |
| - Trả trước cho người bán khác | 2.897.848.601 | 1.834.776.502 |
| Cộng | <u>6.397.848.601</u> | <u>2.301.417.502</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i> | 154.855.420.186 | - | 182.942.924.305 | - |
| - Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam ^(*) | 150.412.089.825 | - | 180.189.753.146 | - |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 4.443.330.361 | - | 2.753.171.159 | - |
| Cộng | 154.855.420.186 | - | 182.942.924.305 | - |

(*) Là khoản phải thu về tiền chiết khấu do Công ty đạt về các chỉ tiêu chiết khấu trong hoạt động kinh doanh xe Mercedes - Benz.

5. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Phải thu của khách hàng</i> | | | | | | |
| - Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba | Trên 3 năm | 35.045.295 | | Trên 3 năm | 35.045.295 | - |
| - Công ty CP Đầu tư Xây dựng PVV Sài Gòn | Trên 3 năm | 105.454.400 | | Trên 3 năm | 105.454.400 | - |
| - Công ty CP Minh Thắng | Trên 3 năm | 447.577.960 | | Trên 3 năm | 447.577.960 | - |
| - Nguyễn Thị Đình Chiến | Trên 3 năm | 45.350.000 | | Trên 3 năm | 45.350.000 | - |
| - Võ Thị Thu Phương | Trên 3 năm | 42.692.000 | | Trên 3 năm | 42.692.000 | - |
| - Công ty CP Sản xuất và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI | Trên 3 năm | 41.987.000 | | Trên 3 năm | 41.987.000 | - |
| - Công ty TNHH XNK Vật tư Kỹ thuật | Trên 3 năm | 68.800.000 | | Trên 3 năm | 68.800.000 | - |
| - Công ty Hợp doanh DMC-FER | Trên 3 năm | 53.650.000 | | Trên 3 năm | 53.650.000 | - |
| - Các đối tượng khác | Trên 2 năm | 219.608.220 | 42.875.380 | Trên 2 năm | 219.608.220 | 42.875.380 |
| Cộng | | 1.060.164.875 | 42.875.380 | | 1.060.164.875 | 42.875.380 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Hàng mua đang đi đường | - | - | - | - |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 69.629.067.800 | (2.456.251.277) | 66.773.218.417 | (1.331.723.351) |
| - Công cụ, dụng cụ | 272.722.092 | - | 272.517.737 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*) | 10.592.838.129 | - | 18.522.657.888 | - |
| - Hàng hóa | 486.136.637.736 | - | 636.641.262.435 | - |
| Cộng | 566.631.265.757 | (2.456.251.277) | 722.209.656.477 | (1.331.723.351) |

Trong đó giá trị của hàng hóa cuối năm dùng thế chấp các khoản vay tại ngân hàng là 458.131.688.425 đồng.

(*) Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Công cụ, dụng cụ | 652.630.044 | 738.085.791 |
| - Phí bảo hiểm | 409.562.018 | 500.635.498 |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 4.852.150.999 | 3.273.783.650 |
| Cộng | 5.914.343.061 | 4.512.504.939 |

Tình hình biến động trong năm:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| - Số đầu năm | 4.512.504.939 | 3.972.911.190 |
| - Tăng trong năm | 14.105.897.672 | 16.524.614.716 |
| - Phân bổ trong năm | (12.704.059.550) | (15.985.020.967) |
| Số cuối năm | 5.914.343.061 | 4.512.504.939 |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Sửa chữa văn phòng | 5.502.302.307 | 995.814.552 |
| - Công cụ, dụng cụ | 1.811.631.461 | 2.223.821.593 |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác | 1.719.862.773 | 1.398.276.697 |
| Cộng | 9.033.796.541 | 4.617.912.842 |

Tình hình biến động trong năm:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| - Số đầu năm | 4.617.912.842 | 3.640.833.275 |
| - Tăng trong năm | 8.330.879.015 | 5.194.858.433 |
| - Phân bổ trong năm | (3.914.995.317) | (4.217.778.866) |
| Số cuối năm | 9.033.796.541 | 4.617.912.842 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản ứng trước tiền thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo Hợp đồng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05/07/2010.

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản khác | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 93.141.073.367 | 29.943.226.593 | 277.064.959.034 | 4.872.539.482 | 2.290.027.572 | 407.311.826.048 |
| Mua trong năm | 1.149.566.059 | 1.027.662.000 | 438.218.192.554 | 32.550.000 | 173.800.000 | 440.601.770.613 |
| Tăng từ hợp nhất | - | - | 1.856.010.513 | - | - | 1.856.010.513 |
| Tăng phân loại lại | 117.195.000 | - | - | - | - | 117.195.000 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (514.201.442.651) | - | - | (514.201.442.651) |
| Giảm phân loại lại | - | (117.195.000) | - | - | - | (117.195.000) |
| Giảm khác | (438.165.198) | - | - | (10.443.720) | - | (448.608.918) |
| Số cuối năm | 93.969.669.228 | 30.853.693.593 | 202.937.719.450 | 4.894.645.762 | 2.463.827.572 | 335.119.555.605 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 29.647.290.717 | 13.702.604.947 | 536.820.328 | 2.507.179.308 | 1.971.565.464 | 48.365.460.764 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 52.747.718.273 | 19.748.112.762 | 9.622.341.686 | 3.555.298.529 | 1.867.838.918 | 87.541.310.168 |
| Khấu hao trong năm | 9.115.133.721 | 3.241.071.358 | 24.310.099.766 | 613.951.781 | 156.899.265 | 37.437.155.891 |
| Tăng phân loại lại | - | - | - | - | 2.142.222 | 2.142.222 |
| Tăng từ hợp nhất | - | - | 185.601.053 | - | - | 185.601.053 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (25.177.477.968) | - | - | (25.177.477.968) |
| Giảm phân loại lại | - | (2.142.222) | - | - | - | (2.142.222) |
| Giảm khác | (438.165.198) | - | - | (10.443.810) | - | (448.609.008) |
| Số cuối năm | 61.424.686.797 | 22.987.041.898 | 8.940.564.536 | 4.158.806.500 | 2.026.880.405 | 99.537.980.136 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 40.393.355.094 | 10.195.113.832 | 267.442.617.348 | 1.317.240.953 | 422.188.654 | 319.770.515.880 |
| Số cuối năm | 32.544.982.431 | 7.866.651.695 | 193.997.154.914 | 735.839.262 | 436.947.167 | 235.581.575.469 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất lâu dài | Quyền sử dụng đất có thời hạn | Phần mềm | Cộng |
|------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 8.848.836.800 | 2.797.580.000 | 5.994.279.369 | 17.640.696.169 |
| Mua trong năm | - | - | 298.000.000 | 298.000.000 |
| Số cuối năm | 8.848.836.800 | 2.797.580.000 | 6.292.279.369 | 17.938.696.169 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 734.799.480 | 734.799.480 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | 680.744.457 | 3.265.951.775 | 3.946.696.232 |
| Khấu hao trong năm | - | 55.951.596 | 971.899.713 | 1.027.851.309 |
| Số cuối năm | - | 736.696.053 | 4.237.851.488 | 4.974.547.541 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 8.848.836.800 | 2.116.835.543 | 2.728.327.594 | 13.693.999.937 |
| Số cuối năm | 8.848.836.800 | 2.060.883.947 | 2.054.427.881 | 12.964.148.628 |

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp tính cho các khoản vay ngân hàng là 10.909.720.751 đồng.

11. Lợi thế thương mại

| Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con | Số đầu năm | Tăng trong năm | Phân bổ trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|-------------------|------------------------|-----------------------|
| - Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM | 42.449.828.679 | - | (6.288.863.508) | 36.160.965.171 |
| - Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ | - | - | - | - |
| Cộng | 42.449.828.679 | | (6.288.863.508) | 36.160.965.171 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 38.494.454.406 | 110.583.016.784 |
| - Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam (*) | 19.544.422.683 | 97.070.668.643 |
| - Các nhà cung cấp khác | 18.950.031.723 | 13.512.348.141 |
| Cộng | 38.494.454.406 | 110.583.016.784 |

(*) Là khoản phải trả về tiền mua xe Mercedes - Benz.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 99.949.707.833 | 84.923.347.924 |
| - Người mua trả trước tiền mua xe ô tô | 94.976.202.407 | 81.574.250.660 |
| - Người mua trả trước tiền dịch vụ sửa chữa xe | 4.973.505.426 | 3.349.097.264 |
| Cộng | 99.949.707.833 | 84.923.347.924 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|------------------------------|----------------------|--------------------|--|-----------|-----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| - Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | 60.508.624.267 (46.904.101.847) | | 13.604.522.420 | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.503.692.019 | 4.465.499 | 32.151.203.880 (24.057.261.225) | | 10.597.634.674 | 4.465.499 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 370.139.989 | - | 5.643.131.231 (5.947.751.392) | | 65.519.828 | - |
| - Thuế nhà đất, thuế đất | - | 291.665.348 | 990.940.425 (914.008.819) | | - | 214.733.742 |
| - Khoản thuế khác | - | - | 14.100.000 (14.100.000) | | - | - |
| Cộng | 2.873.832.008 | 296.130.847 | 99.307.999.803 (77.837.223.283) | | 24.267.676.922 | 219.199.241 |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| Chỉ tiêu | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 157.621.544.040 | 65.476.386.771 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | 11.285.962.836 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | | |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ | 675.189.569 | 571.729.485 |
| + Phân bổ Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất | 6.288.863.508 | 6.341.297.073 |
| + Lỗ trong năm của các công ty con | - | 4.372.936.278 |
| + Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào công ty con bị loại trừ do hợp nhất | 1.757.883.953 | - |
| + Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| + Dự phòng khoản đầu tư vào công ty bị loại trừ do hợp nhất | - | - |
| + Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất | 1.981.646.119 | - |
| Thu nhập chịu thuế | 164.361.834.951 | 76.762.349.607 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗ các năm trước được chuyển sang | (2.484.925.957) | (2.113.730.365) |
| Thu nhập tính thuế | 161.876.908.994 | 74.648.619.242 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong năm | 32.375.381.799 | 14.929.723.848 |
| Thuế TNDN được giảm 30% (theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ) | 224.177.919 | |
| Thuế TNDN nộp bổ sung từ các năm trước | - | - |
| Tổng Thuế TNDN phải nộp | 32.151.203.880 | 14.929.723.848 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là trích trước các chi phí bảo hiểm cho xe đã bán.

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 6.010.478.763 | 5.312.156.685 |
| - Cổ tức phải trả | 1.110.034.200 | 721.660.200 |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 4.900.444.563 | 4.590.496.485 |
| Cộng | <u>6.010.478.763</u> | <u>5.312.156.685</u> |

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 499.975.875.591 | 499.975.875.591 | 948.233.595.127 | 948.233.595.127 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽¹⁾ | 192.044.020.893 | 192.044.020.893 | 206.397.356.446 | 206.397.356.446 |
| - Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ⁽²⁾ | 100.293.045.381 | 100.293.045.381 | 212.285.497.388 | 212.285.497.388 |
| - Ngân hàng TNHH Standard Chartered Việt Nam | - | - | 129.617.421.376 | 129.617.421.376 |
| - Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽³⁾ | 198.638.809.317 | 198.638.809.317 | 383.213.884.859 | 383.213.884.859 |
| - Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - CN Cần Thơ | - | - | 6.688.755.058 | 6.688.755.058 |
| - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ⁽⁴⁾ | - | - | 4.830.680.000 | 4.830.680.000 |
| - Vay các cá nhân | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |
| Cộng | <u>499.975.875.591</u> | <u>499.975.875.591</u> | <u>948.233.595.127</u> | <u>948.233.595.127</u> |

Các khoản vay được thế chấp bởi giá trị hàng tồn kho, giá trị còn lại tài sản cố định vô hình với số tiền lần lượt tương ứng là 458.131.688.425 đồng, 10.909.720.751 đồng (xem tại thuyết minh V.6, V.10).

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: Dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: Dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

⁽³⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: Dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽⁴⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------|------------------------|--|-------------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn | 948.233.595.127 | 4.991.459.758.660 | (5.439.717.478.196) | 499.975.875.591 |
| Cộng | 948.233.595.127 | 4.991.459.758.660 | (5.439.717.478.196) | 499.975.875.591 |

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Giá trị các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (1) | 18.385.778.715 | 20.143.662.667 |
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả (2) | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (1)x(2) | 3.677.155.743 | 4.028.732.533 |

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--------------------|---------------------------|------------------|---------------------------|------------------|
| | <u>Vốn cổ phần thường</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> | <u>Vốn cổ phần thường</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> |
| - Ông Đỗ Tiến Dũng | 83.528.340.000 | 22,73 | 83.528.340.000 | 22,73 |
| - Bà Vũ Thị Hạnh | 64.530.960.000 | 17,56 | 54.530.960.000 | 14,84 |
| - Các cổ đông khác | 219.384.690.000 | 59,71 | 229.384.690.000 | 62,43 |
| Cộng | 367.443.990.000 | 100,00 | 367.443.990.000 | 100,00 |

*Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ động cập nhật tại ngày 31/12/2020.**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:*

| | <u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> | <u>Vốn điều lệ đã góp</u> | <u>Vốn điều lệ còn phải góp</u> |
|-------------|--|---------------------------|---------------------------------|
| | 367.443.990.000 | 367.443.990.000 | - |
| Cộng | 367.443.990.000 | 367.443.990.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 367.443.990.000 | 350.133.990.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | 17.310.000.000 |
| + Vốn góp cuối năm | 367.443.990.000 | 367.443.990.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã trích (bằng tiền) | (54.915.193.500) | (52.318.693.500) |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi | (54.526.819.500) | (51.937.819.500) |

19d. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 36.744.399 | 36.744.399 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.744.399 | 36.744.399 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (134.270) | (134.270) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (134.270) | (134.270) |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 36.610.129 | 36.610.129 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.610.129 | 36.610.129 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| - Doanh thu kinh doanh xe | 5.185.866.218.731 | 4.775.838.795.637 |
| - Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng | 373.478.038.819 | 367.380.801.667 |
| - Doanh thu hoạt động khác | 10.207.646.173 | 9.704.560.009 |
| Cộng | 5.569.551.903.723 | 5.152.924.157.313 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| - Giá vốn kinh doanh xe | 4.916.603.672.207 | 4.646.055.024.986 |
| - Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng | 320.657.770.376 | 301.591.850.806 |
| - Giá vốn hoạt động khác | 10.905.287.016 | 9.847.472.064 |
| Cộng | 5.248.166.729.599 | 4.957.494.347.856 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| - Lãi tiền gửi | 506.803.323 | 269.749.351 |
| - Doanh thu hoạt động tài chính khác | 2.276.432.462 | - |
| Cộng | <u>2.783.235.785</u> | <u>269.749.351</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - Chi phí lãi vay | 40.669.604.829 | 56.706.217.146 |
| - Chi phí tài chính khác | 75.906.360 | 6.916.156 |
| Cộng | <u>40.745.511.189</u> | <u>56.713.133.302</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 43.762.889.788 | 41.398.187.569 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 20.599.031.005 | 20.658.667.082 |
| - Chi phí dịch vụ thuê ngoài và bằng tiền khác | 50.009.675.205 | 54.743.085.428 |
| Cộng | <u>114.371.595.998</u> | <u>116.799.940.079</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 28.996.500.438 | 24.965.837.053 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.998.546.402 | 5.279.044.896 |
| - Chi phí lợi thế thương mại | 6.288.863.508 | 6.288.863.508 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác | 13.133.106.372 | 16.129.576.625 |
| Cộng | <u>53.417.016.720</u> | <u>52.663.322.082</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| - Thu nhập từ tiền hỗ trợ của Mercedes – Benz Việt Nam | 7.225.207.405 | 73.048.983.675 |
| - Lãi thanh lý tài sản cố định | 20.969.908.044 | 17.349.582.204 |
| + Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 509.993.872.727 | 621.957.658.301 |
| + Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ | (489.023.964.683) | (604.608.076.097) |
| - Thu nhập khác | 14.656.363.809 | 5.794.923.827 |
| Cộng | <u>42.851.479.258</u> | <u>96.193.489.706</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| - Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 32.151.203.880 | 14.929.723.848 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | - | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>32.151.203.880</u> | <u>14.929.723.848</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 125.351.823.081 | 50.670.809.197 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | (531.147.075) | (369.735.085) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 124.820.676.006 | 51.040.544.282 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP) | 36.610.129 | 35.714.041 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP) | <u>3.409</u> | <u>1.429</u> |

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 125.351.823.081 | 50.670.809.197 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | (531.147.075) | (369.735.085) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 124.820.676.006 | 51.040.544.282 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP) | 36.610.129 | 35.714.041 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm sau ngày 31/12/2020 (CP) | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP) | <u>3.409</u> | <u>1.429</u> |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 174.160.019.053 | 189.400.879.755 |
| - Chi phí nhân công | 91.689.649.791 | 99.657.441.741 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 38.734.725.136 | 42.919.569.032 |
| - Lợi thế thương mại | 6.288.863.508 | 6.288.863.508 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác | 90.487.737.858 | 105.633.113.079 |
| Cộng | <u>401.360.995.346</u> | <u>443.899.867.115</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Lương và thù lao | 5.246.722.000 | 5.329.780.770 |
| - Cổ tức (bằng tiền) | 22.636.400.025 | 22.183.250.025 |
| - Số lượng cổ phiếu nhận được (cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu) | - | - |
| Cộng | 27.883.122.025 | 27.513.030.795 |

3. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xe Ô tô – nhãn hiệu Mercedes - Benz và ô tô Nissan.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (thuyết minh số V.6, V.10, V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 469.041.409.176 đồng (số đầu năm là 833.705.223.609 đồng).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021.

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tổng Giám đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

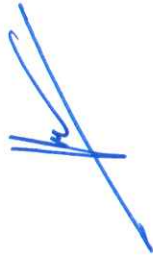
PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Chi tiêu | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*) | Cộng |
|--|---------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|---|------------------|
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 350.133.990.000 | - | - | - | 99.166.429.262 | 3.487.894.791 | 452.788.314.053 |
| Tăng trong năm | 17.310.000.000 | - | (2.234.667.764) | - | 51.040.544.282 | 1.196.598.719 | 67.312.475.237 |
| - Lãi trong năm | - | - | - | - | 51.040.544.282 | (369.735.085) | 50.670.809.197 |
| - Mua lại cổ phiếu quỹ | - | - | (2.234.667.764) | - | - | - | (2.234.667.764) |
| - Vốn góp tăng trong năm | 17.310.000.000 | - | - | - | - | 1.566.333.804 | 18.876.333.804 |
| Giảm trong năm | - | (30.000.000) | - | - | (54.245.391.130) | (259.142.943) | (54.534.534.073) |
| - Chia cổ tức (bằng tiền) | - | - | - | - | (52.318.693.500) | - | (52.318.693.500) |
| - Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích do công ty con huy động thêm vốn | - | - | - | - | (1.926.697.630) | (259.142.943) | (2.185.840.573) |
| - Chi phí phát hành thêm cổ phiếu | - | (30.000.000) | - | - | - | - | (30.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2019 | 367.443.990.000 | (30.000.000) | (2.234.667.764) | - | 95.961.582.414 | 4.425.350.567 | 465.566.255.217 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 367.443.990.000 | (30.000.000) | (2.234.667.764) | - | 95.961.582.414 | 4.425.350.567 | 465.566.255.217 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | 124.820.676.006 | 531.147.075 | 125.351.823.081 |
| - Lãi trong năm | - | - | - | - | 124.820.676.006 | 531.147.075 | 125.351.823.081 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | (54.908.239.234) | (708.403.143) | (55.616.642.377) |
| - Chia cổ tức (bằng tiền) | - | - | - | - | (54.915.193.500) | - | (54.915.193.500) |
| - Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CDKKS phát sinh trong kỳ | - | - | - | - | 6.954.266 | (708.403.143) | (701.448.877) |
| Tại ngày 31/12/2020 | 367.443.990.000 | (30.000.000) | (2.234.667.764) | - | 165.874.019.186 | 4.248.094.499 | 535.301.435.921 |

(*) Chi tiết tình hình tăng giảm Lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong | Tại ngày 01/01/2020 | Anh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích trong tài sản thuần của công ty con | | Tại ngày 31/12/2020 |
|---|------------------------|---|----------------------|------------------------|
| | | Lãi/(Lỗ) trong năm | | |
| Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ | 1.326.604.892 | 350.746.196 | - | 1.677.351.088 |
| Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ô tô PTM | 3.098.745.675 | 180.400.879 | (708.403.143) | 2.570.743.411 |
| Cộng | 4.425.350.567 | 531.147.075 | (708.403.143) | 4.248.094.499 |

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2021
 Phó Tổng Giám đốc

ĐỖ TIẾN DŨNG





2 / 2 1 / B C K T / A U D - V V A L U E S